TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS - ST
Ngày 21-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Quang;

Ông Phạm Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Công Q, sinh năm 1983; Có mặt

Địa chỉ: 2xx, ấp y, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; Có mặt

Địa chỉ: Tổ z, ấp V, xã H, huyện P, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 5/2016 thì ông Q và bà T có quen biết nhau. Đến giữa tháng 6/2016, bà T hỏi vay tiền của ông Q nên ông Q đã cho bà T vay tiền cụ thể: Lần thứ nhất, ông cho bà T vay 50.000.000đ; lần thứ hai cách lần thứ nhất khoảng 1 tuần thì ông cho bà T vay 56.000.000đ, trong đó ông đưa tiền mặt là 20.000.000đ và 01 cây vàng SJC trị giá 36.000.000đ. Tổng cộng, ông Q cho bà T vay số tiền là 106.000.000đ. Do là bạn của nhau, có mối quan hệ tình cảm nam nữ nên khi cho bà T vay tiền ông không làm

giấy vay tiền và chỉ cho vay tiền với thời hạn là 01 tháng. Sau đó, ông đã nhiều lần nhắn tin qua số điện thoại 0986.832.550 và tài khoản zalo của bà T để yêu cầu bà T trả tiền thì bà T hứa hẹn với ông nhưng đến nay chỉ trả cho ông được 5.000.000đ. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho ông số tiền gốc là 101.000.000đ. Số tiền ông Q cho bà T vay là do ông đi vay ngân hàng Sacombank mà có để cho bà T vay, ông vay ngân hàng lãi suất là 1%/tháng. Vì vậy, ông yêu cầu bà T phải trả tiền lãi theo lãi suất là 1%/tháng từ ngày 15/7/2016 tạm tính đến ngày xét xử 21/9/2020 là 50 tháng là 50.000.000đ. Tổng cộng ông yêu cầu bà T phải trả cho ông số tiền là 151.000.000đ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Bà T và ông Q có mối quan hệ tình cảm nam nữ với nhau từ khoảng tháng 6 năm 2016. Bà và ông Q quen biết và giữ mối quan hệ yêu thương nhau khoảng gần 1 năm sau đó ông bà chia tay vì không hợp nhau. Trong khoảng thời gian bà và ông Q quen biết nhau thì bà không hỏi vay tiền của ông Q lần nào cả mà trong thời gian này bà làm ăn thua lỗ nên ông Q có cho bà tiền và vàng để trang trải. Cụ thể, vào thời gian khoảng cuối năm 2016 (bà không nhớ rõ ngày tháng), ông Q đưa tiền và vàng cho bà 02 lần: Lần 1 là 50.000.000đ; lần 2 là 20.000.000đ và 1 cây vàng SBC (theo ông Q trình bày là vàng SJC), bà bán cây vàng được 36.000.000đ theo như ông Q trình bày trị giá bằng tiền của 01 cây vàng là đúng. Ông Q cho tiền bà để mục đích giúp đỡ bà làm ăn. Trong thời gian này, ông Q có hết tiền và bà có đưa tiền cho ông Q 02 lần để tiêu xài là một lần 5.000.000đ và một lần 20.000.000đ. Số tiền này bà cho ông Q nên bà không có yêu cầu gì. Sau thời gian tìm hiểu, bà và ông Q không tiến tới được nên chia tay. Sau khi bà chia tay thì ông Q mới nhắn tin vào số điện thoại và tài khoản zalo của bà đòi tiền đã cho bà. Khi đó bà tự ái, không muốn làm phiền nữa nên bà mới nghĩ là trả tiền cho rồi nên bà mới nhắn những tin nhắn nói là sẽ chạy tiền trả nợ cho ông Q. Nhưng giờ bà nghĩ lại thì bà không vay mượn của ông Q, khi đó bà và ông Q xác định là lấy nhau nên lúc khó khăn ông Q cho tiền bà, khi ông Q khó khăn bà cũng cho tiền ông Q lại. Giờ ông Q cho rằng bà vay tiền thì bà không đồng ý, ông Q nói bà vay tiền thì đề nghị ông Q cung cấp giấy từ chứng minh bà có vay tiền. Sau đó, ông Q có những lời lẽ xúc phạm nên bà đã chặn số điện thoại, zalo và xóa tin nhắn của ông Q. Vì không liên lạc được với bà nên ông Q mới nhắn tin cho em gái của bà là Nguyễn Thị Ngân nhưng em gái bà không biết chuyện gì giữa bà và ông Q cả nên đề nghị Tòa án không triệu tập, làm phiền đến gia đình bà. Những nội dung tin nhắn mà ông Q nộp lên Tòa án là có nhưng chưa đủ, vì có những cuộc trò truyện giữa bà và ông Q bà không thừa nhận vay tiền nhưng ông Q không cung cấp được, còn điện thoại của bà đã không còn lưu giữ tin nhắn nên bà cũng không cung cấp được cho Tòa án. Bà không có yêu cầu gì đối với số tiền 25.000.000đ bà đã đưa cho ông Q. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q vì bà không vay tiền của ông.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn cho rằng cho bị

đơn vay số tiền 70.000.000đ và 01 cây vàng SJC trị giá 36.000.000đ, bị đơn đã trả được 5.000.000đ, nay yêu cầu bị đơn trả lại 101.000.000đ và tiền lãi là 50.000.000đ. Bị đơn không đồng ý vì cho rằng đây là tiền mà nguyên đơn tặng cho bà trong thời gian ông bà yêu nhau. Bà cũng có cho nguyên đơn tiền nhưng bà không có yêu cầu gì. Nguyên đơn không chứng minh được số tiền cho bị đơn vay là bao nhiêu, thời hạn vay và lãi suất vay. Căn cứ nội dung tin nhắn zalo mà nguyên đơn cung cấp thì bị đơn có nhận nợ nhưng không biết số nợ là bao nhiêu, tại phiên tòa, bị đơn không thừa nhận vay tiền và cho rằng nội dung tin nhắn là chưa đầy đủ. Nguyên đơn không chứng minh được. Từ đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Công Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả tiền đã vay và tiền lãi nên đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn cư trú tại ấp ấp V, xã H, huyện P, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ các nội dung tin nhắn trên zalo giữa nguyên đơn với bị đơn vào các ngày 22/8/2018, 23/02/2018, 28/02/2018, 01/3/2018, 02/3/2018, nguyên đơn ông Q nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà T phải trả số tiền vay còn nợ của ông. Căn cứ các Điều 429, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự là còn thời hiệu khởi kiện vụ án.

[2] Về yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay là 70.000.000đ và 01 cây vàng SJC trị giá 36.000.000đ, tổng trị giá tiền vay là 106.000.000đ. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 5.000.000đ nên nay ông yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 101.000.000đ. Bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 70.000.000đ và 01 cây vàng trị giá 36.000.000đ của nguyên đơn nên việc giao nhận tiền, vàng giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật và là tình tiết không phải chứng minh. Nguyên đơn cho rằng số tiền 70.000.000đ và 01 cây vàng SJC trị giá 36.000.000đ là cho vay, bị đơn không thừa nhận vay tiền mà cho rằng đây là tiền, vàng nguyên đơn cho bị đơn trong thời gian hai người yêu nhau. Tài khoản zalo số điện thoại 0909.446.452 là của ông Q dùng để nhắn tin với tài khoản zalo số điện thoại 0986.832.550 là của bà Thủy, các bên đều thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Căn cứ nội dung tin nhắn qua tài khoản zalo vào các ngày 22/02/2018, 23/02/2018, 28/02/2018, 01/3/2018, 02/3/20 do nguyên đơn cung cấp thì nội dung tin nhắn là ông Q yêu cầu bà T trả nợ, bà T hứa khi nào có tiền sẽ trả, nội dung tin nhắn không nói rõ tiền nợ cụ thể là bao nhiêu, thời hạn trả nợ là khi nào. Các nội dung tin nhắn zalo ông Q cung cấp cho Tòa án là chưa đầy đủ, Tòa án đã yêu cầu ông Q cung cấp đầy đủ các cuộc trò chuyện giữa ông và bà T liên quan đến số tiền ông khởi kiện nhưng ông Q không cung cấp được. Bà T cho rằng khoản tiền này ông Q cho bà trong thời gian hai người yêu nhau, bà đã sử dụng hết số tiền này, đôi khi bà và ông Q còn sử dụng chung tiền của nhau không xác định được.

Sau khi chia tay, ông Q đòi lại tiền đã tặng cho bà vì tự ái nên bà T có nhắn trả lời ông Q là hứa có tiền sẽ trả cho ông Q nhưng cũng không nói rõ là trả khoản tiền nào, bao nhiêu tiền và khi nào trả và tại phiên tòa bà không thừa nhận là có vay tiền của ông Q. Căn cứ nội dung tin nhắn zalo mà ông Q khởi kiện thì không đủ căn cứ để xác định được bà T có vay tiền của ông Q và không đủ căn cứ để xác định đối tượng nghĩa vụ phải thực hiện theo Điều 276 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày khi giao tiền có phía gia đình bà T chứng kiến nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020 thì nguyên đơn trình bày không có ai chứng kiến việc ông cho bà T vay tiền. Vì vậy, không đủ căn cứ để xác định số tiền mà nguyên đơn đưa cho bị đơn là tiền vay nên không có quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn theo Điều 468 Bộ luật Dân sự nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi: Nguyên đơn không chứng minh được số tiền cho bị đơn là tiền cho vay, không có quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn, khi đưa tiền cho bị đơn không thỏa thuận thời hạn, lãi suất. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với số tiền 25.000.000đ bà T đưa cho ông Q thì bà không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Đối với nội dung tin nhắn mà ông Q có nhắn cho bà Nguyễn Thị Ngân (em gái bà Thủy) là sau khi ông Q và bà T chia tay, bà Ngân chỉ nhận tin nhắn và nói cho bà T biết. Bà T thừa nhận là bà Ngân có hỏi bà về việc ông Q đòi tiền bà nhưng bà T nói với bà Ngân là không vay tiền của ông Q nên không cần thiết phải triệu tập bà Ngân là người làm chứng.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Công Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 185, 186, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều Điều 275, Điều 276, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Công Q phải nộp số tiền 7.550.000đ (bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0043013 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Công Q phải nộp thêm số tiền 4.050.000đ (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Chang